

FOCUSING ON GREEN ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS IN VIETNAM

Mai Bac My

Vietnam Farmers' Union

Email: maibacmy.hnd@gmail.com

Received: 13/10/2022; Reviewed: 23/10/2022; Revised: 26/10/2022; Accepted: 31/10/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/782>

In the context of alarming climate change, green economic development is an inevitable trend of economies all over the world, including Vietnam. In Vietnam, in spite of being the particularly important strategic areas in terms of economy, politics, culture, society, national security and foreign affairs, the ethnic minorities and mountainous areas have not fully utilized their strengths and potentials; mainly have the brown economy with many shortcomings, limitations, difficulties, challenges and restricting the overall development results of the country. The article focuses on identifying some matters in socio-economic development in the ethnic minorities and mountainous areas and proposing solutions to promote green economic development in ethnic minorities and mountainous areas.

Keywords: *Green economy; Green economic development; Ethnic minorities and mountainous areas; Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Kinh tế xanh là một mô thức phát triển mới đối với Việt Nam, trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). Đặc biệt, với vị thế là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của cả nước, vùng đồng bào DTTS&MN có tiềm năng và lợi thế phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu. Cũng như các vùng khác trong cả nước, vùng đồng bào DTTS&MN đang bước đầu triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi từ kinh tế truyền thống sang phát triển kinh tế xanh trên địa bàn vùng đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với tập trung nguồn lực cùng với các chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN ở nước ta.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khái niệm kinh tế xanh đang dần trở nên quen thuộc với các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay, các công trình nghiên cứu về phát triển kinh tế xanh cho vùng đồng bào DTTS&MN tại Việt Nam còn rất ít tác giả nghiên cứu, đề cập.

Ở tầm quốc tế, Báo cáo nghiên cứu của OECD

(2012), “Tăng trưởng xanh và các nước đang phát triển: Tổng kết cho các nhà hoạch định chính sách”, đã lý giải tại sao tăng trưởng xanh lại quan trọng đối với các nước đang phát triển khi đang hướng tới phát triển bền vững và công bằng hơn. Nghiên cứu này của OECD cũng phân tích thực trạng các mô hình tăng trưởng của các nước đang phát triển và đề ra khung chính sách cho việc xanh hóa tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển.

Ở khu vực Đông Nam Á, có Báo cáo “Hướng tới tăng trưởng xanh ở khu vực Đông Nam Á” của tổ chức OECD (2014) đã phân tích đánh giá mô hình tăng trưởng hiện nay ở khu vực Đông Nam Á, phần lớn dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên làm trầm trọng thêm những thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường ở khu vực. Báo cáo nghiên cứu cũng đã khuyến dẫn các nước khu vực Đông Nam Á nên theo đuổi chiến lược tăng trưởng xanh để duy trì các nguồn lực tự nhiên và các dịch vụ môi trường, đặc biệt là ổn định khí hậu.

Tại Việt Nam, trong nghiên cứu “Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam”, tác giả Đỗ Phú Hải (2018) đã khẳng định kinh tế xanh, tăng trưởng xanh lại “là công cụ thực hiện phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu” và “gắn bó với ứng phó với biến đổi khí hậu”. Đề chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh, tác giả Trần Thanh Lâm (2013) trong bài viết về “Kinh tế xanh hướng tới phát triển bền

vững và xóa đói, giảm nghèo” đã xác định một số điều kiện để chuyển đổi thành công, trong đó cần đặc biệt chú ý đến khung chính sách hỗ trợ phù hợp bao gồm các biện pháp tài chính và cải cách chính sách quốc gia, hợp tác quốc tế thông qua thương mại, viện trợ, phát triển thị trường, hỗ trợ xây dựng năng lực và vận động tài chính cho quá trình chuyển sang kinh tế xanh. Cụ thể, đối với vùng trung du và miền núi phía Bắc, tác giả Thân Thị Huyền (2013) đã nghiên cứu tiềm năng phát triển kinh tế của vùng và nhận thấy phát triển kinh tế xanh là “con đường tất yếu để phát triển bền vững” ở vùng. Tác giả cũng cho rằng đây là “nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và mỗi cá nhân”; các địa phương trong vùng “cần tiếp cận với kinh tế xanh bằng những chương trình cụ thể nhằm tái cơ cấu kinh tế trong phát triển bền vững, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu”.

Vùng đồng bào DTTS&MN là địa bàn chiến lược quan trọng với đường biên giới giáp các nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Đây là vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống, gắn bó lâu đời, có nền văn hóa đa dạng, phong phú; tuy nhiên lại có mật độ dân số, mức thu nhập bình quân đầu người và mức sống dân cư thấp hơn nhiều so với các vùng khác của cả nước. Hoạt động kinh tế trên địa bàn vùng đang chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và các ngành sử dụng và tiêu hao nhiều năng lượng hóa thạch, mức phát thải CO₂ và xả thải chất thải rắn cao... Đặc điểm này phản ánh nhu cầu chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh của vùng nhằm tạo nên không gian và môi trường xanh sinh tồn bền vững của dân tộc Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu thứ cấp về phát triển kinh tế xanh và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được, bài viết tập trung nhận diện một số vấn đề trong phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN cũng như đề xuất giải pháp phát triển kinh tế xanh vùng DTTS&MN của nước ta.

4. Kết quả nghiên cứu

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn xác định vị trí, vai trò, tầm quan trọng chiến lược của vùng DTTS&MN về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường sinh thái. Do đặc điểm tự nhiên, địa lý và địa chất của vùng miền núi nước ta, ngoài tài nguyên đất và khoáng sản phong phú, tài nguyên rừng và tài nguyên nước to lớn đều sinh tồn ở vùng này. Có thể khẳng định rằng, vùng DTTS&MN là “mái nhà xanh” của nước

ta, miền núi và miền đồng bằng có mối quan hệ rất biện chứng với nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh (2011) chỉ rõ: “miền núi nước ta chiếm một vị trí quan trọng đối với quốc phòng, đối với kinh tế”, “là một khu vực rất quan trọng về công nghiệp và nông nghiệp”, nơi cư trú tập trung của đồng bào các dân tộc thiểu số theo hình thái xen kẽ với nhau và với người Kinh.

Tuy nhiên, trong thảo luận và thông qua Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV, chúng ta đã biết 05 cái nhất ở vùng đồng bào DTTS&MN là vùng khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, kinh tế - xã hội chậm phát triển nhất, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất. Do thực tế các DTTS bước vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội từ những điểm xuất phát khác nhau về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội, nên đến nay vẫn còn một bộ phận không nhỏ đồng bào kiếm sống chủ yếu từ trong các khu rừng tự nhiên và sông suối; có một bộ phận khá lớn đồng bào đã chuyển được sang loại hình kinh tế sản xuất trồng trọt và chăn nuôi nhưng vẫn duy trì tư duy kinh nghiệm và thói quen sản xuất nhỏ, tâm lý thuần phác và ngại cạnh tranh, kỹ năng và tác phong lao động lạc hậu, quan hệ xã hội hạn hẹp, ít có cơ hội tiếp cận và sử dụng các tư liệu sản xuất hiện đại; phát đốt và khai thác đất rừng tự nhiên đến cạn kiệt vẫn xảy ra; lạm dụng thuốc trừ cỏ và phân bón hóa học gây hủy hoại môi trường vẫn tiếp diễn; năng lực hấp thụ các nguồn lực giúp đỡ từ bên ngoài vào vùng đồng bào DTTS&MN còn hạn chế. Cho nên, Nghị quyết số 88/2019/QH14 được ban hành nhằm đưa các DTTS sớm thoát khỏi 05 cái nhất, đó là việc lựa chọn phát triển kinh tế xanh là nhiệm vụ và giải pháp mang tính đột phá chiến lược để hiện thực hóa chính sách các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ vì sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước ta. Không có cộng đồng quốc gia vững mạnh thì từng dân tộc cũng khó phát triển nên sự phát triển của từng dân tộc gắn liền với sự phát triển của cộng đồng quốc gia dân tộc là một đặc điểm có tính quy luật của xu hướng phát triển các dân tộc ở nước ta. Chính trên cơ sở phát triển được mạnh mẽ mọi tiềm năng, thế mạnh của từng vùng và mọi yếu tố tích cực trong truyền thống của từng dân tộc mới có thể mở rộng, nâng cao, phát triển đầy đủ tính cộng đồng và thống nhất (về lãnh thổ, tư tưởng, chính trị, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ) giữa các dân tộc, khắc phục dần những mặc cảm, thiên kiến, miệt thị hoặc tự ti dân tộc. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất giữa các dân tộc ở nước ta (Tổ quốc chung, lý tưởng chung, sự nghiệp chung, nền kinh tế chung,

chữ quốc ngữ chung, tiếng Việt chung) là phù hợp với quy luật phát triển của Việt Nam và tạo thêm được những khả năng thuận lợi cho sự phát triển đa dạng và độc đáo của từng dân tộc. Trong quá trình phát triển đất nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hai xu hướng khách quan mà V.I.Lênin đã phát hiện trước đây có hình thức biểu hiện mới: một mặt, cùng với những thành tựu đổi mới trên các lĩnh vực khác, những thành tựu trong lĩnh vực dân tộc làm tăng thêm nhu cầu và khả năng của từng dân tộc tiến tới sự phồn vinh; mặt khác, cũng những thành tựu đó đã nâng lên một mức độ mới sự chín muồi các điều kiện vật chất và tinh thần, làm cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn.

Vì vậy, Đảng ta đã luôn chỉ đạo các cấp, các ngành cân đặt miền núi trong phạm vi cả nước trong cơ cấu toàn bộ nền kinh tế quốc dân với các vùng khác của cả nước, khắc phục tư tưởng nặng nề về khai thác mà coi nhẹ lợi ích lâu dài của địa phương miền núi. Do đó, thông qua việc coi trọng tập trung phát triển kinh tế xanh sẽ huy động được các nguồn lực và phát huy được cao độ tính chủ động của đồng bào các DTTS cùng với đồng bào Kinh ở miền núi cho việc phát triển toàn diện kinh tế - xã hội ở vùng “mái nhà xanh” của nước ta theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Thảo luận

Đến nay, việc chuyển đổi từ “kinh tế nâu” sang “phát triển kinh tế xanh” của vùng đồng bào DTTS&MN ở nước ta còn chậm với nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng. Bài viết bàn luận, đề xuất một số giải pháp nhằm tập trung phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN của nước ta như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, nhận thức sâu sắc hơn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng đồng bào DTTS&MN để tập trung vận động, tuyên truyền, tạo quan niệm và nhận thức thống nhất trong toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, đồng bào các dân tộc cả nước về kinh tế xanh, tính tất yếu phát triển kinh tế xanh mà vùng đồng bào DTTS&MN phải đi đầu thực hiện phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương và phong tục tập quán của mỗi dân tộc.

Trước những cuộc khủng hoảng về khí hậu và đa dạng sinh học, khủng hoảng nhiên liệu và lương thực thực phẩm, khủng hoảng nước sạch và khủng hoảng tài chính cùng suy thoái kinh tế toàn cầu do mô hình kinh tế cũ, trong đó các hoạt động kinh tế dựa chủ yếu vào nhiên liệu hóa thạch và tăng trưởng GDP dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có, dẫn tới hệ lụy môi trường bị tàn phá nặng nề và nguồn

lực tự nhiên bị khai thác cạn kiệt, Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) đã khởi xướng mô hình “kinh tế xanh” nhằm vừa giúp tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo chất lượng môi trường, giảm nguy cơ mất cân bằng sinh thái và rủi ro khí hậu, bảo đảm sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững và không làm gia tăng sự mất công bằng trong xã hội, tạo điều kiện để mỗi quốc gia có một không gian sinh tồn và phát triển bền vững. Thuật ngữ “kinh tế xanh” cần được phiên dịch ra thành tiếng của các DTTS, phù hợp với đặc điểm thiên nhiên và xã hội các vùng của nước ta.

Thuật ngữ “kinh tế xanh” (green economy) lần đầu tiên được sử dụng trong Báo cáo “Thiết kế cho một nền kinh tế xanh” (Blueprint for a green economy) của một nhóm các nhà kinh tế môi trường hàng đầu gửi Chính phủ Vương Quốc Anh vào năm 1989 và trong báo cáo nghiên cứu năm 2011, Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP, 2011) nêu rõ: Kinh tế xanh là phát triển một nền kinh tế nâng cao đời sống con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và thiếu hụt sinh thái. Theo UNEP, nền kinh tế xanh là đầu tư vào vốn tự nhiên, là trụ đỡ để giảm nghèo, tạo ra việc làm và cải thiện công bằng xã hội, sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ các-bon thấp thay thế cho nhiên liệu hóa thạch, khuyến khích sử dụng nguồn lực và năng lượng hiệu quả hơn, hướng tới lối sống đô thị bền vững và giao thông các-bon thấp, tăng trưởng nhanh hơn nền kinh tế nâu về dài hạn đồng thời duy trì và phục hồi vốn tự nhiên. Những lợi ích đó đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị xã hội chủ động, nỗ lực và kiên trì làm tốt công tác vận động, tuyên truyền trong thực hiện chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam từ “kinh tế nâu” sang “kinh tế xanh”, trong đó trước hết tập trung cho vùng đồng bào DTTS&MN là vùng có vị trí quan trọng chiến lược như “mái nhà xanh” của nước ta với các nội dung chủ yếu về giảm phát thải khí nhà kính do hoạt động của con người và thực hiện phát triển các-bon thấp trên địa bàn vùng; xanh hóa sản xuất gắn liền với xây dựng các khu dân cư sinh thái, phát triển du lịch sinh thái và tạo nhiều việc làm xanh trên địa bàn các địa phương miền núi; xanh hóa lối sống và tiêu dùng không rác thải nhựa trên địa bàn dân cư; chuyển đổi vai trò, chức năng và phương thức quản lý theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính là “mọi hành động phải dựa vào tự nhiên và lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể và động lực phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau”; nguồn lực (resources) hay nguồn vốn sinh kế (nguồn lực tự nhiên, nguồn lực vật chất, nguồn lực tài chính, nguồn lực xã hội, nguồn nhân lực) cần được huy động và sử dụng có hiệu quả về khát vọng xây dựng

đất nước ta Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Thứ hai, tập trung dành nhiều thời gian, công sức và trí tuệ xây dựng, hoàn thiện, ban hành chiến lược phát triển kinh tế xanh (tăng trưởng xanh) của Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó ưu tiên ban hành sớm một cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN nước ta như bảo tồn vững chắc “mái nhà xanh” của nước ta.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng “mặc dù là nước đang phát triển mới chỉ bắt đầu tiến trình công nghiệp hóa trong hơn ba thập kỷ qua, Việt Nam là một nước có lợi thế về năng lượng tái tạo, sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải bằng 0 vào năm 2050”, đã thể hiện sâu sắc được tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo và hợp tác quốc tế, đây trách nhiệm của Việt Nam.

Căn cứ chủ trương của Đảng ta về “phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững” và “phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh” được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đề ra; thực tiễn nhiều nước đang xây dựng nền kinh tế xanh với các giải pháp chủ yếu về tăng đầu tư và chỉ tiêu cho các lĩnh vực thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, nâng cao nhận thức và năng lực quản lý, mở rộng thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, giảm chi tiêu Chính phủ vào các lĩnh vực sử dụng nguồn lực tự nhiên không thể tái tạo, thiết lập hệ thống quy định pháp luật và chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, thành lập cơ quan giúp quản lý việc chuyển đổi nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh, sử dụng công cụ thuế để giảm thiểu tác động tiêu cực về môi trường, tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế xanh; Việt Nam đã hội tụ đủ những điều kiện thuận lợi là lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế xanh, cho phép xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xanh mà ưu tiên phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN của nước ta là hướng đi đúng và mang tính đột phá.

Theo Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Á-Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP), thể chế phát triển nền kinh tế xanh có 07 yếu tố đặc trưng: (1) Đầu tư vào vốn tài nguyên; (2) Tạo việc làm và công bằng xã hội; (3) Thay thế năng lượng hóa thạch bằng năng lượng tái tạo và công nghệ ít các-bon; (4) Khuyến khích sử dụng nguồn lực và năng

lượng hiệu quả; (5) Đô thị bền vững và ít các-bon; (6) Cơ chế tài chính, tài khóa xanh; (7) Hệ thống pháp luật, chính sách hỗ trợ trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh, đồng thời chuyển đổi căn bản cấu trúc kinh tế - xã hội và môi trường thông qua tiếp cận hiệu quả sinh thái. Tuy nhiên, căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện và nguồn lực của từng quốc gia, để chuyển đổi từ phát triển “kinh tế nâu” sang phát triển “kinh tế xanh”, giữa các quốc gia cũng có sự khác nhau về bước đi, thời gian và chi phí. Thực tiễn thời gian qua, các nước phát triển có đủ nguồn lực thì có thể chuyển nhanh sang nền kinh tế xanh thông qua xây dựng và thực hiện thể chế phát triển nền kinh tế xanh bao gồm 07 yếu tố đặc trưng đã nêu trên. Đối với các nền kinh tế đang phát triển thì tốn nhiều chi phí và thời gian hơn bằng cách điều chỉnh dần dần để nền kinh tế truyền thống trở nên thân thiện hơn với môi trường. Vì vậy, để chuyển sang nền kinh tế xanh, Việt Nam cũng phải xem xét tất cả các yếu tố đặc trưng trong xây dựng thể chế và khai thác tối đa lợi thế so sánh của mình để huy động và thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp về huy động nguồn lực với yêu cầu chuyển tiếp có hiệu quả các lĩnh vực của nền kinh tế truyền thống đi đôi với chuyển dịch nguồn lực sang các lĩnh vực mới có hiệu quả kinh tế cao; thân thiện với môi trường đặc thù của nước ta và bảo đảm sự phát triển bền vững hơn theo chủ trương của Đảng. Trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn, đây là vấn đề rất lớn có tính sống còn đối với nước ta nói chung, vùng DTTS&MN nói riêng, do vậy, Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam cùng các bộ, ngành cần phối hợp để tham mưu cho Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo.

Trên cơ sở những định hướng trên và xác định rõ vai trò là “mái nhà xanh” của vùng DTTS&MN đối với đồng bằng, ven biển, duyên hải, góp phần cân bằng sinh thái giữa nông thôn và thành thị, cung cấp nguyên liệu và nguồn lực cho phát triển kinh tế, nhất là cung cấp nước tưới và nước sinh hoạt, cung cấp năng lượng thủy điện, năng lượng điện tái tạo là hiển nhiên. Do đó, để vùng DTTS&MN có nhịp độ phát triển nhanh và định canh định cư bền vững hơn về mọi mặt, không có con đường nào khác là phải phát triển kinh tế hàng hóa một cách toàn diện, chuyển đổi tư duy sản xuất nhỏ còn nhiều tính chất tự cấp tự túc sang tư duy sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao và chỉ có như thế rừng xanh mới được bảo vệ cùng với mức sống ngày càng cao. Để phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng khai thác tiềm năng lợi thế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, trong Chiến lược phát triển kinh tế xanh, cần xác định tiềm năng thể mạnh và làm tốt công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; đầu

tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng vừa là nhu cầu trước mắt, vừa là lâu dài trong quá trình chuyển đổi và phát triển kinh tế hàng hóa, có cơ hội mời gọi các nguồn lực từ bên ngoài vào đầu tư phát triển công nghiệp chế biến và du lịch sinh thái; giải quyết hài hòa các lợi ích kinh tế giữa vùng miền núi và vùng đồng bằng, giữa địa phương và Trung ương, giữa các doanh nghiệp và nông dân các DTTS; điều chỉnh hợp lý quan hệ sản xuất và đổi mới quản lý, giao đất giao rừng cho thôn bản quản lý và hỗ trợ nghề nghiệp bảo quản chế biến gỗ cho người dân gắn với thành lập Hợp tác xã nông lâm nghiệp và thủy sản kiểu mới; phát huy vai trò quyết định của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN là không thể thay thế được cả về khả năng, nhu cầu và trách nhiệm.

Chỉ có phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng kinh tế xanh, quan hệ giao lưu kinh tế phát triển thì sự hiểu biết về thị trường, giác ngộ về chính trị tư tưởng, trình độ tiếp thu những tiến bộ về khoa học và công nghệ để áp dụng vào sản xuất và đời sống của đồng bào các DTTS mới dần được nâng cao, các DTTS được tạo điều kiện tự do phát triển và vượt qua thực trạng nghèo nàn lạc hậu, thì mới tạo được cơ sở kinh tế cho sự liên kết vững chắc giữa các dân tộc ở nước ta. Sự phát triển kinh tế, nhất là kinh tế hàng hóa theo hướng kinh tế xanh, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, là quy luật có tính quyết định đối với sự phát triển của mỗi DTTS và thực hiện sự bình đẳng dân tộc trên thực tế. Cho nên, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cần chỉ đạo thí điểm áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, đột phá cho một số khu vực (đương cử như các địa phương thuộc lưu vực các con sông lớn), địa phương có tiềm năng lợi thế và cơ hội đáp ứng các yêu cầu xanh để rút kinh nghiệm về cách thức tạo nguồn lực và xây dựng chính sách nhằm áp dụng trên phạm vi rộng với những mô hình xanh phổ biến. Về hướng đầu tư, cần tập trung vào các ngành, lĩnh vực kinh tế có thể phát huy lợi thế so sánh của vùng đồng bào DTTS&MN như nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi hữu cơ, lâm nghiệp sản xuất gỗ gia dụng và dược liệu quý hiếm, năng lượng gió và năng lượng mặt trời, công nghiệp văn hóa dân tộc và văn hóa vật thể, du lịch sinh thái và nông thôn gắn với nghỉ dưỡng...

Thứ ba, với định hướng đúng đắn của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về việc “khoa học và công nghệ phải đi trước để dẫn dắt và nguồn lực tài chính phải là đòn bẩy, thúc đẩy chuyển đổi mô hình phát triển hướng tới kinh tế xanh, tuần hoàn, bền vững, bao trùm và nhân văn”, do vậy khoa học và công nghệ và nguồn lực tài chính luôn là hai mặt rất biện chứng của một vấn đề chiến lược là phát triển kinh tế xanh cần được huy động một cách mạnh mẽ và sáng tạo.

Với tư tưởng tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chủ trương ưu tiên, phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường và tạo nhiều việc làm, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái và nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân; hỗ trợ khuyến khích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ theo nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng; tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tiếp tục phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ...

Trên cơ sở Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế xanh (tăng trưởng xanh), Chính phủ sẽ chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và ban hành chính sách huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN bao gồm cả các chính sách chung và chính sách đặc thù, bảo đảm huy động cao độ mọi nguồn lực tài chính cho chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế xanh trên địa bàn vùng; chính sách huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN phải được xây dựng đồng bộ và cụ thể, bảo đảm khoa học và khả thi nhằm huy động có hiệu quả tiềm năng nguồn lực tài chính của vùng (đất đai, khoáng sản, các thành phần kinh tế, ngân sách địa phương), thu hút và huy động nguồn lực tài chính ngoài vùng (thị trường vốn, ngân sách Trung ương, doanh nghiệp, FDI); ưu tiên sử dụng nguồn lực tài chính trong ngân sách Trung ương để hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện các chương trình, dự án kinh tế xanh quan trọng trên địa bàn DTTS&MN theo phương châm lồng ghép việc huy động các nguồn lực đầu tư trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi tối đa (về vốn đầu tư, thuế, phí, đất đai, hạ tầng) để khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển các lĩnh vực của kinh tế xanh, phát triển năng lượng sạch và xử lý rác thải rắn, tháo gỡ kịp

thời các rào cản để thu hút nguồn lực con người và nguồn lực tài chính khu vực tư nhân vào các dự án phát triển kinh tế xanh theo phương châm có sự chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân; nghiên cứu sớm thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế xanh, bảo đảm tính tập trung và quản lý sử dụng có hiệu quả; tranh thủ sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế cả về tài chính và chuyển giao công nghệ cộng với tiềm lực và vị thế của Việt Nam để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào DTTS&MN của nước ta.

6. Kết luận

Phát triển kinh tế xanh là phương thức phát triển

mới, có khả năng mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội-môi trường vượt trội so với phương thức phát triển dựa vào kinh tế nâu truyền thống. Tuy vậy, chuyển đổi từ kinh tế truyền thống sang phát triển kinh tế xanh đòi hỏi vùng đồng bào DTTS&MN phải vượt qua những thách thức rất lớn và cần sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị. Với phương pháp luận vững vàng và nhân sinh đứng đắn, luôn dựa vào dân và vì dân, luôn đặt lợi ích của dân tộc và của dân lên trên hết, Đảng ta sẽ lãnh đạo tổ chức thành công chủ trương phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN nói riêng, cả nước nói chung, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

- Hải, Đ. P. (2018). Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, tập 34, tr.1-7.
- Huyền, T. T. (2013). Phát triển kinh tế xanh - hướng đi bền vững ở vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam. *Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 4*.
- Lâm, T. T. (2013). Kinh tế xanh hướng tới phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo. *Tạp chí Cộng sản*, số 2144.

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập - Tập 14*. Hà Nội.
- OECD. (2012). *Green Growth and Development Countries: A summary for policy makers*. Paris: OECD Publishing.
- OECD. (2014). *Towards Green Growth in Southeast Asia, OECD Green Growth Studies*. Paris: OECD Publishing.
- UNEP. (2011). *Hướng tới nền kinh tế xanh - Lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo* (Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, dịch). Hà Nội: Nxb. Nông nghiệp.

CẦN TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA NƯỚC TA

Mai Bắc Mỹ

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Email: maibacmy.hnd@gmail.com

Nhận bài: 13/10/2022; Phản biện: 23/10/2022; Tác giả sửa: 26/10/2022; Duyệt đăng: 31/10/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/782>

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, phát triển kinh tế xanh là xu hướng tất yếu của tất cả các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Ở nước ta, mặc dù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh và đối ngoại, nhưng kinh tế của vùng này chủ yếu là kinh tế nâu với nhiều tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức; chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của mình; làm hạn chế vào kết quả phát triển chung của cả nước. Bài viết tập trung nhận diện một số vấn đề trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Từ khóa: Kinh tế xanh; Phát triển kinh tế xanh; Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Việt Nam.